ĐẠI HỘI XIII

TỈNH ĐOÀN BÌNH THUẬN

TÀI LIỆU
SINH HOẠT CHI ĐOÀN

LƯU HÀNH NỘI BỘ

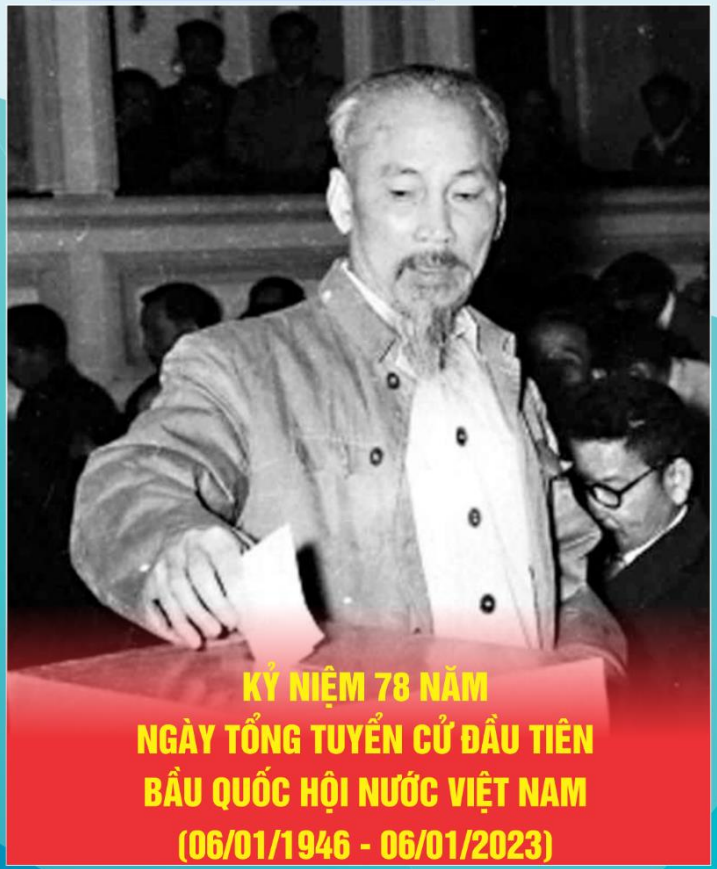

KỶ NIỆM 78 NĂM
NGÀY TỔNG TUYỂN CỬ ĐẦU TIÊN
BẦU QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM
(06/01/1946 - 06/01/2023)

KỶ NIỆM 50 NĂM
KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS
(27/01/1973 - 27/01/2023)

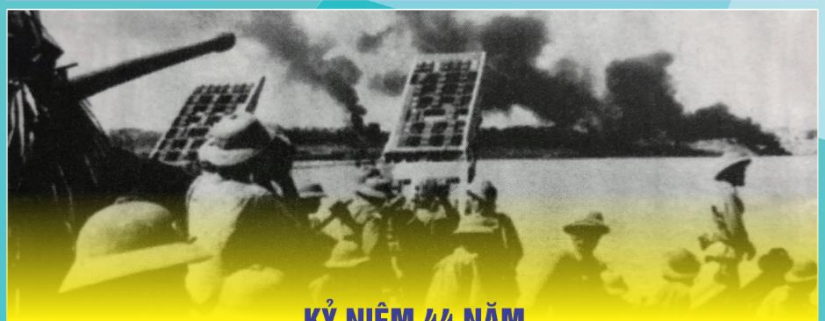

KỶ NIỆM 44 NĂM
NGÀY CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI TÂY NAM
(07/01/1979 - 07/01/2023)

THÁNG 01/2023

PHẦN 1

THEO DÒNG LỊCH SỬ

KỶ NIỆM 77 NĂM
TRUYỀN THỐNG NGÀNH LƯU TRỮ VIỆT NAM
(03/01/1946 – 03/01/2023)

Ngày 03 tháng 01 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chủ tịch Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký Thông đạt số 1C/VP về công tác công văn, giấy tờ, trong đó Người chỉ rõ: "Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia". Văn bản quan trọng này không những đặt nền móng cho công tác Lưu trữ Việt Nam mà còn ý nghĩa lịch sử to lớn trong việc nâng cao ý thức của cán bộ, nhân dân với việc giữ gìn và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ quốc gia. Người đã khẳng định: "Tài liệu lưu trữ quốc gia là di sản của dân tộc, có giá trị đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Trong những năm qua, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã quản lý, tổ chức thực hiện nhiều hoạt động nghiệp vụ nhằm bảo quản và phát huy hiệu quả khối di sản tư liệu quý giá của quốc gia bao gồm hơn 33.000 mét giá tài liệu phản ánh đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến nay. Trong đó có 2 di sản tư liệu thế giới "Mộc bản triều Nguyễn", "Châu bản triều Nguyễn" và 2 bảo vật quốc gia gồm "Tập Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1945-1946"; "Sưu tập Phác thảo các mẫu Quốc huy Việt Nam của họa sĩ Bùi Trang Chước".

Ngành Lưu trữ Việt Nam không ngừng trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt. Ngành đã chủ động triển khai thực hiện Luật Lưu trữ, xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác lưu trữ thống nhất, đồng thời tăng cường các giải pháp để bảo vệ an toàn và phát huy có hiệu quả giá trị tài liệu lưu trữ quốc gia, đặc biệt là trong đấu tranh khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Những nỗ lực, cố gắng của toàn thể công chức, viên chức Ngành Lưu trữ đã đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của đất nước, được Đảng, Nhà nước và xã hội ghi nhận và đánh giá cao, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng Chính phủ điện tử hiện nay.

Bên cạnh đó, cách mạng công nghiệp 4.0 với đặc trưng phát triển dựa trên nền tảng Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Bối cảnh đó đòi hỏi sự thay đổi phương thức, cách thức lãnh đạo của bộ máy chính quyền, dẫn đến sự hình thành và phát triển chính phủ điện tử, nhằm

thích ứng với yêu cầu quản lý trong hiện tại và tương lai. "Có thể nói, sứ mệnh của ngành lưu trữ không chỉ đang gìn giữ những tài liệu, tư liệu lịch sử quốc gia mà còn có giá trị cho toàn nhân loại và đấy cũng là sứ mệnh chung của ngành lưu trữ trên thế giới. Xây dựng lưu trữ số chính là sứ mệnh của ngành Lưu trữ trong bối cảnh Chính phủ điện tử, Chính phủ số"…

KỶ NIỆM 77 NĂM
TỔNG TUYỂN CỬ BẦU QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (06/01/1946 – 06/01/2023)

Nối tiếp thành công của cách mạng tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 14-SL quy định mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội và ghi rõ: "Chiếu theo Nghị quyết của Quốc dân Đại hội ngày 16, 17 tháng 8 năm 1945 tại khu giải phóng, ấn định rằng nước Việt Nam sẽ theo chính thể dân chủ cộng hòa và Chính phủ nhân dân toàn quốc sẽ do một Quốc dân đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên".

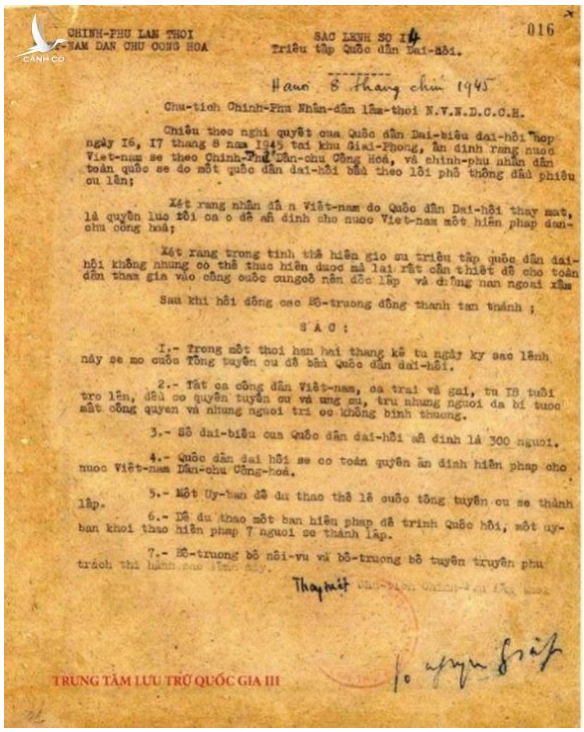
CHINH-PHU LAM THOI
NAM DAN CHU CONG HOA
SAC LENH SO 14
Triều tập Quốc dân Dai-hôi.
016

Hanoi 8 thang chin 1945

Chu-tich Chinh-Phu Nhân-dân lâm-thoi N.V.N.D.C.C.H.

Chiếu theo nghi quyết cua Quốc dân Dai-biểu dai-hôi hop ngày 16, 17 thang 8 nam 1945 tai khu Giai-Phong, ấn dinh rang nuoc Viet-nam se theo Chinh-Phu Dân-chu Công Hoá, và chinh-phu nhân dân toàn quốc se do một quốc dân dai-hôi bầu theo lối phổ thông đầu phiêu cu lên;

Xét rang nhân dân Viêt-nam do Quốc dân Dai-hôi thay mat, là quyền luc tối ca o dê ấn dinh cho nuoc Viet-nam một hiên phap dan-chu công hoá;

Xét rang trong tinh thê hiên gio su triêu tập quốc dân dai-hôi không nhung có thê thuc hiên duoc mà lai rất cần thiết dê cho toàn dân tham gia vào công cuôc cungoê nên dôc lập và dường nan ngoai xâm

Sau khi hôi dông cac Bô-truong dông thanh tan thành ;

S Ắ C :

1.- Trong một thoi han hai thang kê tu ngày ky sac lênh này se mo cuôc Tông tuyên cu dê bâu Quôc dân dai-hôi.

2.- Tất ca công dân Viêt-nam, ca trai và gai, tu 18 tuôi tro lên, đều co quyên tuyên cu và ung cu, tru nhung nguoi da bi tuoc mất công quyen và nhung nguoi tri oc không binh thuong.

3.- Sô dai-biêu cua Quôc dân dai-hôi ấn dinh là 300 nguoi.

4.- Quôc dân dai hôi se co toàn quyên ấn dinh hiên phap cho nuoc Viêt-nam Dân-chu Công-hoá.

5.- Một Uy-ban dê du thao thê lê cuôc tông tuyên cu se thành lập.

6.- Dê du thao một ban hiên phap dê trinh Quôc hôi, một uy-ban khoi thao hiên phap 7 nguoi se thành lập.

7.- Bô-truong bô nôi-vu và bô-truong bô tuyên truyên phu trách thi hành sac lênh này.

Thay mặt Chủ-tịch Chính-phủ lâm thời

Hồ Chí Minh

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

Ngày 6 tháng 1 già trẻ, trai gái từ 18 tuổi trở lên hãy mạnh bạo bước vào buồng bỏ phiếu

VIỆT-NAM DÂN-CHU CỘNG-HOÀ — NĂM THỨ HAI
ĐỘC-LẬP TỰ-DO, HÀNH-PHÚC

CỨU QUỐC

CƠ-QUAN TUYÊN-TRUYỀN TRANH-ĐẤU CỦA TỔNG-BỘ VIỆT-MINH

NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM NGÀY

MAI, TOÀN DÂN ĐI BỎ PHIẾU

HỒ CHỦ-TỊCH HÔ-HÀO QUỐC DÂN ĐI BỎ PHIẾU

QUÂN DU-KÍCH TA TẤN CÔNG VÀO BIÊN-HÒA

Việt kiên

Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Báo Cứu quốc, ngày 5-1-1946

Đặc biệt, một ngày trước khi diễn ra cuộc Tổng tuyển cử, Bác đã có "Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu", đăng trên báo Cứu Quốc số 134, ngày 5-1-1946. Rất giản dị, Bác đi vào vấn đề cụ thể, ngắn gọn, súc tích và rõ ràng: ***"Ngày mai mồng 6 tháng Giêng năm 1946. Ngày mai là một ngày sẽ đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ. Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu***

tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình...".

Thực hiện lời kêu gọi của Bác, ngày 6-1-1946 hàng triệu người dân Việt Nam từ miền xuôi đến miền ngược, từ miền Bắc đến miền Nam, từ nông thôn đến thành thị, không phân biệt gái trai, già trẻ đã nô nức đi bỏ phiếu, bầu ra những người có tài, có đức vào Quốc hội để gánh vác công việc nước nhà. Sự kiện đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử nước nhà, một bước tiến nhảy vọt, đánh dấu việc khai sinh Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

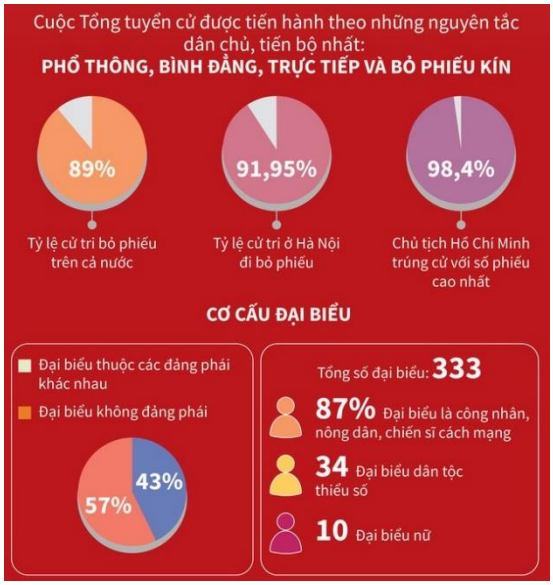

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành trong không khí tràn đầy phấn khởi, sôi nổi trên khắp cả nước, ở Hà Nội đã có 91,95% cử tri của 74 khu nội thành và 118 làng ngoại thành đi bỏ phiếu. Kết quả, có 6 trong số 74 ứng cử viên đã trúng cử đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%). Tổng số cử tri đi bỏ phiếu đạt tỷ lệ 89%, trừ một số nơi phải bầu bổ sung còn tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần. Cuộc Tổng tuyển cử đã bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu thuộc các đảng phái khác nhau; 43% số đại biểu không đảng phái; 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng; 10 đại biểu nữ và 34 đại biểu dân tộc thiểu số.

Thành công của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng vào công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp: xác định các nguyên tắc bầu cử, thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và đặc biệt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

KỶ NỆM 44 NĂM
NGÀY CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI TÂY NAM
(07/01/1979 – 07/01/2023)

Thực ra khi đã phải dùng biện pháp chiến tranh thì khó phân biệt lớn nhỏ, bởi chiến tranh nào cũng gây ra nhiều tổn thất người và của, phá vỡ mối quan hệ quốc gia, làm đảo lộn mọi quá trình phát triển hòa bình của dân tộc. Thời gian tiến hành có thể chỉ chớp nhoáng, đối tượng, mục tiêu tác chiến có khi không phải là đội quân nhà nghề của đế quốc lớn, nhưng không thể coi là nhỏ khi chiến tranh ấy giải quyết một trong những vấn đề có tính đột biến và quan trọng bậc nhất là thảm họa diệt chủng ở Campuchia.

Thảm họa diệt chủng ở Campuchia xuất hiện sau năm 1975, là hiện tượng chưa từng có trong khu vực Đông Nam Á thời hiện đại. So sánh trước và sau đó sẽ thấy: Thảm họa diệt chủng Holocaust của Đức Quốc xã trong 4 năm (1941-1945) giết hại khoảng 5 triệu người Do Thái trên tổng số hơn 7 triệu người (chiếm 60 – 75% dân cư Do Thái ở châu Âu); thảm họa diệt chủng của chính quyền người Hutu ở Rwanda trong khoảng 100 ngày năm 1994 giết hại trên 800.000 người Tutsi (chiếm 70% dân số Tutsi); Pol Pot-Ieng Sary trong thời gian cầm quyền 3 năm 8 tháng 20 ngày (1975-1979), giết hại hơn 2 triệu người dân Campuchia (tương đương 25% dân số đất nước).

Sự dã man tàn bạo của các đồ tể Angkar do Pol Pot – Ieng Sary lập ra không thua kém Gestapo của Đức Quốc xã và đội quân hung bạo người Hutu ở Rwanda. Chúng đều giết người không chỉ thông dụng bằng cách bỏ đói, khát, bắt lao động kiệt sức, hoặc xử bắn hàng loạt, dùng chất nổ, súng máy, hơi ngạt, mà còn có cách dã man như thời Trung cổ: Dùng cuốc, mai, xẻng, dao rựa, dùi cui đánh đến chết. Ở Campuchia, chúng tàn sát trong các trại giam, nhà tù, trường học, nhà chùa, giống như tàn sát ngay tại các giáo đường, các điểm dừng giao thông, chợ, tại các gia đình ở Rwanda, hay Đức Quốc xã sát nhân ở phòng thí nghiệm, phòng tập bắn, phòng áp lực, xe chứa, phòng tắm hơi…

Cả đất nước Campuchia từ sau ngày 17/4/1975 đến trước ngày 7/1/1979 chìm trong loạn lạc đẫm máu, khi chính quyền do Pol Pot – Ieng Sary cầm đầu, xóa bỏ tận gốc mọi cơ sở xã hội khi xây dựng "nhà nước mới" không chợ, không tiền, không trường học, không đô thị, không trí thức, không tôn giáo – một xã hội nông nghiệp không tưởng với mô hình nhà nước kỳ dị cưỡng bức nhân dân từ đô thị về nông thôn, dồn dân vào sâu trong nội địa… Quyền lực tối cao của "Campuchia dân chủ" tập trung vào năm "nhân vật": Pol Pot, Noun Chea, Ieng Sary, Khieu Samphan, Ta Mok. Chúng đẩy dân tộc Campuchia vào thảm họa diệt chủng tàn khốc; mở nhiều đợt thanh trừng tàn bạo những thành phần chống đối, kể cả trong quân đội; gây xáo trộn và mâu thuẫn nội bộ gay gắt. Hàng chục vạn người Campuchia, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên phải tìm cách chạy trốn sang Việt Nam.

Không chỉ mất nhân tính khi thực hiện diệt chủng chính đồng loại mình, tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary còn xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ Việt Nam, gây ra nhiều tội ác theo lối diệt chủng đối với nhân dân Việt Nam. Chúng khiêu khích và nhiều lần gây xung đột quân sự trên các vùng biên giới Việt Nam, tiến tới việc phát động cuộc chiến tranh đẫm máu sang toàn tuyến biên giới Tây Nam của Việt Nam.

Thực ra khi đã phải dùng biện pháp chiến tranh thì khó phân biệt lớn nhỏ, bởi chiến tranh nào cũng gây ra nhiều tổn thất người và của, phá vỡ mối quan hệ quốc gia, làm đảo lộn mọi quá trình phát triển hòa bình của dân tộc. Thời gian tiến hành có thể chỉ chớp nhoáng, đối tượng, mục tiêu tác chiến có khi không phải là đội quân nhà nghề của đế quốc lớn, nhưng không thể coi là nhỏ khi chiến tranh ấy giải quyết một trong những vấn đề có tính đột biến và quan trọng bậc nhất là thảm họa diệt chủng ở Campuchia.

Thảm họa diệt chủng ở Campuchia xuất hiện sau năm 1975, là hiện tượng chưa từng có trong khu vực Đông Nam Á thời hiện đại. So sánh trước và sau đó sẽ thấy: Thảm họa diệt chủng Holocaust của Đức Quốc xã trong 4 năm (1941-1945) giết hại khoảng 5 triệu người Do Thái trên tổng số hơn 7 triệu người (chiếm 60 – 75% dân cư Do Thái ở châu Âu); thảm họa diệt chủng của chính quyền người Hutu ở Rwanda trong khoảng 100 ngày năm 1994 giết hại trên 800.000 người Tutsi (chiếm 70% dân số Tutsi); Pol Pot-Ieng Sary trong thời gian cầm quyền 3 năm 8 tháng 20 ngày (1975-1979), giết hại hơn 2 triệu người dân Campuchia (tương đương 25% dân số đất nước).

Sự dã man tàn bạo của các đồ tể Angkar do Pol Pot – Ieng Sary lập ra không thua kém Gestapo của Đức Quốc xã và đội quân hung bạo người Hutu ở Rwanda. Chúng đều giết người không chỉ thông dụng bằng cách bỏ đói, khát, bắt

lao động kiệt sức, hoặc xử bắn hàng loạt, dùng chất nổ, súng máy, hơi ngạt, mà còn có cách dã man như thời Trung cổ: Dùng cuốc, mai, xẻng, dao rựa, dùi cui đánh đến chết. Ở Campuchia, chúng tàn sát trong các trại giam, nhà tù, trường học, nhà chùa, giống như tàn sát ngay tại các giáo đường, các điểm dừng giao thông, chợ, tại các gia đình ở Rwanda, hay Đức Quốc xã sát nhân ở phòng thí nghiệm, phòng tập bắn, phòng áp lực, xe chứa, phòng tắm hơi…

Cả đất nước Campuchia từ sau ngày 17/4/1975 đến trước ngày 7/1/1979 chìm trong loạn lạc đẫm máu, khi chính quyền do Pol Pot – Ieng Sary cầm đầu, xóa bỏ tận gốc mọi cơ sở xã hội khi xây dựng "nhà nước mới" không chợ, không tiền, không trường học, không đô thị, không trí thức, không tôn giáo – một xã hội nông nghiệp không tưởng với mô hình nhà nước kỳ dị cưỡng bức nhân dân từ đô thị về nông thôn, dồn dân vào sâu trong nội địa… Quyền lực tối cao của "Campuchia dân chủ" tập trung vào năm "nhân vật": Pol Pot, Noun Chea, Ieng Sary, Khieu Samphan, Ta Mok. Chúng đẩy dân tộc Campuchia vào thảm họa diệt chủng tàn khốc; mở nhiều đợt thanh trừng tàn bạo những thành phần chống đối, kể cả trong quân đội; gây xáo trộn và mâu thuẫn nội bộ gay gắt. Hàng chục vạn người Campuchia, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên phải tìm cách chạy trốn sang Việt Nam.

Không chỉ mất nhân tính khi thực hiện diệt chủng chính đồng loại mình, tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary còn xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ Việt Nam, gây ra

nhiều tội ác theo lối diệt chủng đối với nhân dân Việt Nam. Chúng khiêu khích và nhiều lần gây xung đột quân sự trên các vùng biên giới Việt Nam, tiến tới việc phát động cuộc chiến tranh đẫm máu sang toàn tuyến biên giới Tây Nam của Việt Nam.

Cùng với lực lượng cách mạng Campuchia, bộ đội Quân đoàn 4 tiến vào giải phóng Phnom Penh ngày 7/1/1979 – Ảnh: Bảo tàng Quân đoàn 4

Việt Nam chưa kịp khắc phụ hậu quả nặng nề của chiến tranh thực dân mới, lại phải chịu thiệt hại rất lớn từ thảm họa diệt chủng và chính sách gây chiến của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary. Quân và dân Việt Nam thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng, đồng thời đáp lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận đoàn kết cứu nước Campuchia và nhân dân Campuchia anh em, cứu giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Song cuộc chiến chỉ thực sự diễn ra sau nhiều nỗ lực ngoại giao không thành của chính phủ Việt Nam và sự kiềm chế đến mức cao nhất của quân dân địa phương các tỉnh biên giới Tây Nam. Đêm 30/4/1977 quân Pol Pot đồng loạt tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang (14 xã); từ tháng 8/1977, chúng tấn công khu vực biên giới các tỉnh Long An, Đồng Tháp; tháng 9/1977 chúng tấn công tuyến biên giới tỉnh Tây Ninh (3 huyện)… Chúng đòi đất ở tất cả những nơi có cây thốt nốt và vu cáo Việt Nam muốn xoá đất nước Campuchia để lập liên bang; chúng ra "Sách đen" kích động "hận thù dân tộc", bôi nhọ sự thật lịch sử và truyền thống láng giềng tốt đẹp Việt Nam – Campuchia; chúng gây ra nhiều cuộc thảm sát dã man theo lối diệt chủng trên nhiều địa phương hai bên biên giới (thảm sát Ba Chúc ở An Giang từ ngày 18/4 đến 30/4/1978 giết hại 3.157 người). Chúng nhận viện trợ quân sự của nước lớn để xây dựng lực lượng quân đội có bộ binh, pháo binh, thiết giáp mạnh hòng đánh bại Việt Nam…

Quân dân Việt Nam thực hiện cuộc chiến tranh bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc, giúp đỡ và từng bước phối hợp với lực lượng bạn trong "Lực lượng vũ trang cách mạng đoàn kết cứu nước Campuchia" (thành lập ngày 12/5/1978) và Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia (ra đời ngày 2/12/1978). Từ ngày 22/12/1978 đến ngày 7/1/1979, Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc tổng công kích giải phóng Campuchia: tấn công chớp nhoáng và đánh bất ngờ vào thế trận tấn công-phòng thủ của địch, đẩy lui toàn bộ các cánh quân Pol Pot xâm lấn về bên kia biên giới, giải phóng toàn bộ các địa phương biên giới Tây Nam bị xâm chiếm; đồng thời quân đội nhân dân Việt Nam cùng lực lượng cách mạng Campuchia tiến công vào các sào huyệt địch, giải phóng thủ đô Phnom Penh, giải phóng hàng triệu dân Campuchia; đập tan bộ máy thống trị của chế độ "Campuchia Dân chủ" từ Trung ương đến cơ sở.

Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Giữ vững biên cương và chủ quyền quốc gia lãnh thổ, bảo vệ vững chắc đất đai và cuộc sống

hòa bình cho nhân dân vùng biên giới Tây Nam, lập lại sự ổn định và trật tự vùng biên giới; đồng thời cũng cứu thoát nhân dân Campuchia khỏi thảm họa diệt chủng, giúp bạn gây dựng lại lực lượng cách mạng, khép lại trang sử đen tối, đau thương của dân tộc Campuchia, mở ra quá trình giúp bạn làm lại cuộc cách mạng, thực hiện công cuộc hồi sinh dân tộc và phát triển đất nước Campuchia.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam năm 1979 là 1 trong 23 cuộc chiến lớn trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, chính nghĩa và tất thắng. Bởi đó vẫn là chiến tranh Nhân dân với nghệ thuật quân sự truyền thống theo lối đánh dựa vào thế núi sông bờ cõi để làm chủ chiến trường, tiêu diệt sinh lực địch, giữ gìn từng tấc đất giang sơn Tổ quốc cả đất liền và biển đảo.

Như Nguyễn Trãi đã viết trong Bình Ngô đại cáo: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo". Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam vẫn toàn dân đánh giặc như thời Trần, vẫn toàn dân toàn diện, lấy nòng cốt là lực lượng vũ trang 3 thứ quân như 30 năm kháng chiến trường kỳ. Đạo lý Việt Nam trong tất cả các cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc vẫn thế: Vì hòa bình, vì con người, nhân đạo và nhân văn, hòa hiếu và thủy chung, sáng rõ bạn-thù, tương thân – tương ái. Và lần này "Đất nước của ngàn chiến công vẫn sục sôi khí thế hào hùng", cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới dạo lên khúc ca "Vì một lẽ sống cao đẹp cho mọi người: Độc lập, Tự do!".

Cùng với lực lượng cách mạng Campuchia, bộ đội Quân đoàn 4 tiến vào giải phóng Phnom Penh ngày 7/1/1979 – Ảnh: Bảo tàng Quân đoàn 4

Việt Nam chưa kịp khắc phụ hậu quả nặng nề của chiến tranh thực dân mới, lại phải chịu thiệt hại rất lớn từ thảm họa diệt chủng và chính sách gây chiến của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary. Quân và dân Việt Nam thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng, đồng thời đáp lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận đoàn kết cứu nước Campuchia và nhân dân Campuchia anh em, cứu giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Song cuộc chiến chỉ thực sự diễn ra sau nhiều nỗ lực ngoại giao không thành của chính phủ Việt Nam và sự kiềm chế đến mức cao nhất của quân dân địa phương các tỉnh biên giới Tây Nam. Đêm 30/4/1977 quân Pol Pot đồng loạt tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang (14 xã); từ tháng 8/1977, chúng tấn công khu vực biên giới các tỉnh Long An, Đồng Tháp; tháng 9/1977 chúng tấn công tuyến biên giới tỉnh Tây Ninh (3 huyện)… Chúng đòi đất ở tất cả những nơi có cây thốt nốt và vu cáo Việt Nam muốn xoá đất nước Campuchia để

lập liên bang; chúng ra "Sách đen" kích động "hận thù dân tộc", bôi nhọ sự thật lịch sử và truyền thống láng giềng tốt đẹp Việt Nam – Campuchia; chúng gây ra nhiều cuộc thảm sát dã man theo lối diệt chủng trên nhiều địa phương hai bên biên giới (thảm sát Ba Chúc ở An Giang từ ngày 18/4 đến 30/4/1978 giết hại 3.157 người). Chúng nhận viện trợ quân sự của nước lớn để xây dựng lực lượng quân đội có bộ binh, pháo binh, thiết giáp mạnh hòng đánh bại Việt Nam…

Quân dân Việt Nam thực hiện cuộc chiến tranh bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc, giúp đỡ và từng bước phối hợp với lực lượng bạn trong "Lực lượng vũ trang cách mạng đoàn kết cứu nước Campuchia" (thành lập ngày 12/5/1978) và Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia (ra đời ngày 2/12/1978). Từ ngày 22/12/1978 đến ngày 7/1/1979, Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc tổng công kích giải phóng Campuchia: tấn công chớp nhoáng và đánh bất ngờ vào thế trận tấn công-phòng thủ của địch, đẩy lui toàn bộ các cánh quân Pol Pot xâm lấn về bên kia biên giới, giải phóng toàn bộ các địa phương biên giới Tây Nam bị xâm chiếm; đồng thời quân đội nhân dân Việt Nam cùng lực lượng cách mạng Campuchia tiến công vào các sào huyệt địch, giải phóng thủ đô Phnom Penh, giải phóng hàng triệu dân Campuchia; đập tan bộ máy thống trị của chế độ "Campuchia Dân chủ" từ Trung ương đến cơ sở.

Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Giữ vững biên cương và chủ quyền quốc gia lãnh thổ, bảo vệ vững chắc đất đai và cuộc sống hòa bình cho nhân dân vùng biên giới Tây Nam, lập lại sự ổn định và trật tự vùng biên giới; đồng thời cũng cứu thoát nhân dân Campuchia khỏi thảm họa diệt chủng, giúp bạn gây dựng lại lực lượng cách mạng, khép lại trang sử đen tối, đau thương của dân tộc Campuchia, mở ra quá trình giúp bạn làm lại cuộc cách mạng, thực hiện công cuộc hồi sinh dân tộc và phát triển đất nước Campuchia.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam năm 1979 là 1 trong 23 cuộc chiến lớn trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, chính nghĩa và tất thắng. Bởi đó vẫn là chiến tranh Nhân dân với nghệ thuật quân sự truyền thống theo lối đánh dựa vào thế núi sông bờ cõi để làm chủ chiến trường, tiêu diệt sinh lực địch, giữ gìn từng tấc đất giang sơn Tổ quốc cả đất liền và biển đảo.

Như Nguyễn Trãi đã viết trong Bình Ngô đại cáo: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo". Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam vẫn toàn dân đánh giặc như thời Trần, vẫn toàn dân toàn diện, lấy nòng cốt là lực lượng vũ trang 3 thứ quân như 30 năm kháng chiến trường kỳ. Đạo

lý Việt Nam trong tất cả các cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc vẫn thế: Vì hòa bình, vì con người, nhân đạo và nhân văn, hòa hiếu và thủy chung, sáng rõ bạn-thù, tương thân – tương ái. Và lần này "Đất nước của ngàn chiến công vẫn sục sôi khí thế hào hùng", cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới dạo lên khúc ca "Vì một lẽ sống cao đẹp cho mọi người: Độc lập, Tự do!".

KỶ NIỆM 16 NĂM NGÀY VIỆT NAM CHÍNH THỨC GIA NHẬP WTO (11/01/2007 – 11/01/2023) – DẤU ẤN TÍCH CỰ TRÊN HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Từ ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Sự kiện lớn này đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Sự kiện lớn nói trên đã để lại nhiều dấu ấn tích cực trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Dấu ấn sâu đậm nhất của việc tham gia WTO và hội nhập quốc tế đối với Việt Nam là góp phần đổi mới tư duy chính sách, hoàn thiện chuẩn mực quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp, định hình khung khổ pháp lý và các chuẩn mực phát triển các thể chế kinh tế-thương mại, tạo cơ sở pháp lý vững chắc làm cầu nối và xung lực tích cực để đất nước từng bước mở cửa, mở rộng quy mô thị trường hàng hóa và dịch vụ, cải thiên cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại quốc tế theo các thỏa thuận đa phương và song phương đã cam kết.

Đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ.

Đặc biệt, WTO cùng với hơn hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, trong đó có 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia (15 hiệp định đã ký kết, có hiệu lực và 2 hiệp định đang đàm phán) là những cánh cửa lớn, đa chiều để Việt Nam định hướng hoàn thiện khung khổ thể chế phát triển kinh tế thị trường và tự tin hội nhập toàn cầu ngày càng sâu, rộng, đầy đủ, hiệu quả hơn.

Vào tốp 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới

Dấu ấn WTO được ghi nhận rõ nét trong việc đưa Việt Nam trở thành một nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu 6 năm liên tục kể từ 2016 đến nay.

Theo Tổng cục Thống kê, nếu năm 2006, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước chỉ ở mức 84,7 tỷ USD (xuất khẩu 39,8 tỷ USD), thì đến năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt tới 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020 và tăng hơn 7 lần so với năm 2006.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 247,54 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 73,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Từ năm 2016 đến nay, cán cân thương mại luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm, từ 1,77 tỷ USD (năm 2016); 2,1 tỷ USD (năm 2017); 6,8 tỷ USD (năm 2018); 10,9 tỷ USD (năm 2019); trên 19 tỷ USD (năm 2020) và năm 2021, dù chịu ảnh hưởng nặng nề dịch COVID-19, Việt Nam vẫn đạt mức xuất siêu gần 4 tỷ USD…

Báo cáo rà soát thống kê thương mại thế giới năm 2020 của WTO ghi nhận trong số 50 nước có nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới, Việt Nam có mức tăng trưởng lớn nhất khi dịch chuyển từ vị trí thứ 39 vào năm 2009 lên vị trí thứ 23 vào năm 2019 và lọt vào tốp 20 năm 2021.

Nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế được cải thiện

Việc tuân thủ các cam kết hội nhập cũng giúp Việt Nam cải thiện nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế quan trọng khác.

Theo đánh giá và xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chỉ số "Năng lực cạnh tranh toàn cầu" (GCI) của Việt Nam đã cải thiện mạnh. Trong 10 năm (2007-2017), chỉ số GCI của Việt Nam tăng 13 bậc, từ hạng 68/131 vào năm 2007 lên 55/137 vào năm 2017 và chuyển từ nhóm nửa dưới của bảng xếp hạng lên nhóm nửa trên.

Trong năm 2019, trước khi dịch COVID-19 bùng phát trên thế giới, Việt Nam được coi là quốc gia có nền kinh tế ổn định, tăng trưởng nhanh tốp đầu khu

vực và thế giới; được IMF đánh giá nằm trong số 20 nền kinh tế có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng toàn cầu năm 2019.

Cũng trong năm 2019, Việt Nam lọt vào tốp 10/163 nước "đáng sống nhất thế giới" trong bảng xếp hạng của HSBC Expat; đứng thứ 83/128 nước trong xếp hạng các nước an toàn nhất; xếp thứ 94/156 nước trong Bảng xếp hạng quốc gia hạnh phúc. Việt Nam đứng thứ 84/161 nước trong xếp hạng bảo vệ nhà đầu tư của Forbes và xếp thứ 39/80 nước trong xếp hạng các nước "tốt nhất thế giới" theo đánh giá của trang U.S. News & World Report …

Năm 2020, quy mô GDP Việt Nam đứng thứ 44 thế giới, đứng thứ 4 Đông Nam Á và bình quân GDP/đầu người đứng thứ 6 khu vực. "Thương hiệu Quố gia Việt Nam" là thương hiệu tăng giá trị nhanh nhất thế giới, khi tăng tới 29% so với năm 2019, lên 319 tỷ USD; từ vị trí 42 lên 33 trong danh sách 100 thương hiệu quốc gia của Brand Finance (hãng định giá thương hiệu và tư vấn chiến lược độc lập hàng đầu của Anh).

Theo bảng xếp hạng về chỉ số tự do kinh tế năm 2021 (Index of Economic Freedom 2021) mới công bố của Heritage Foundation (Mỹ), với điểm tổng thể của Việt Nam là 61,7 điểm (cao hơn mức trung bình của khu vực và thế giới). Việt Nam là nền kinh tế tự do đứng thứ 17/40 quốc gia ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương và đứng thứ 90/184 nền kinh tế trên thế giới trong bảng xếp hạng tự do kinh tế của Heritage Foundation...

Còn theo Báo cáo chỉ số quyền lực mềm toàn cầu năm 2021, được Brand Finance - công ty tư vấn chiến lược và định giá thương hiệu độc lập hàng đầu thế giới, có trụ sở tại London (Anh) công bố tại "Hội nghị thượng đỉnh 2021 về quyền lực mềm toàn cầu" ngày 25/2/2021 - Việt Nam là quốc gia duy nhất trong khối ASEAN được nâng hạng trong bảng xếp hạng này.

Cụ thể, vị trí của Việt Nam được cải thiện, tăng 2,5 điểm, thay đổi từ 50/60 lên 47/105 quốc gia được xếp hạng. Việt Nam được đánh giá là điểm sáng nhờ sự tăng hạng vượt bậc về thương hiệu quốc gia và những kết quả về kinh tế, xã hội đã đạt được trong năm qua.

Theo đánh giá của Brand Finance, Việt Nam đã phát huy tương đối tốt mọi khía cạnh của quyền lực mềm, đặc biệt là sự hội nhập của "Thương hiệu Quốc gia Việt Nam" và các thương hiệu sản phẩm hàng đầu. Uy tín quốc gia của Việt Nam trong năm qua đã tăng lên phần lớn nhờ chủ trương và phản ứng nhanh nhạy của

Chính phủ, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu trong và ngoài nước cũng như sự năng động, nỗ lực của doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh các chỉ số về kinh tế, theo khảo sát và đánh giá của Liên Hợp Quốc, chỉ số phát triển bền vững (SDG) của Việt Nam đã liên tục gia tăng, từ vị trí 88 vào năm 2016 lên 57 vào năm 2018 và thứ 49 vào năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 9,88% cuối năm 2015 xuống dưới 3% vào năm 2020, với mức giảm trung bình là hơn 1,4%/năm.

Trong bảng xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia và vùng lãnh thổ, tức nằm trong khoảng tin cậy (từ khoảng 42 đến 47) của bảng xếp hạng này.

Đến nay, Việt Nam đã được 90 nước công nhận là nền kinh tế thị trường và đạt được những thành tựu nổi bật về tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua, đồng thời có nhiều khả năng tiếp tục giữ đà tăng trưởng cao trong tương lai trung hạn nhờ khung đầu tư tổng thể đã được hiện đại hóa, chi phí đăng ký kinh doanh đã được cắt giảm và tạo điều kiện cho đầu tư nước ngoài, cũng như hoạt động khởi sự kinh doanh (theo công bố xếp hạng các nền kinh tế tốt nhất để đầu tư của Tạp chí U.S. News & World Report, Việt Nam xếp thứ 8/20 nền kinh tế tốt nhất để đầu tư năm 2019, tăng từ vị trí 23 của năm 2018).

Những kết quả về thương mại nói trên cho thấy Việt Nam là đất nước "mở" sau khi gia nhập WTO và thực thi nghiêm túc các cam kết gia nhập. Những thành tựu đó là kết quả của quá trình nỗ lực, bền bỉ và kiên định thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đổi mới, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất và sửa đổi các quy định pháp luật; thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng hiện đại, minh bạch, tạo sự cạnh tranh công bằng, bình đẳng cho doanh nghiệp và tiệm cận với chuẩn mực quốc tế theo tinh thần của WTO và các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục tham gia.

Hội nhập quốc tế và gia tăng mức độ tự do kinh tế, trong đó có những cải cách chính sách kinh tế trong khuôn khổ WTO và các FTA đã tạo động lực và là động năng mạnh mẽ để giúp Việt Nam phát triển kinh tế, nâng cao quyền lực mềm, ngày càng trở thành một quốc gia cạnh tranh và hiện đại, đồng thời mang lại cho người dân cuộc sống tốt đẹp hơn.

KỶ NIỆM 82 NĂM
NGÀY KHỞI NGHĨA ĐÔ LƯƠNG (13/01/1941 – 13/01/2023)

Ngược dòng lịch sử, cách đây 78 năm, rạng sáng 13/1/1941, Đội Cung cùng lính đồn Chợ Rạng tiến về chiếm Đồn Đô Lương, giết tên Đồn trưởng, cùng 25 lính ở đây tiến đánh Vinh ngay trong đêm. Do bị lộ nên nghĩa quân bị đàn áp, binh biến không thành, sau đó Đội Cung bị bắt vào ngày 14/3/1941, đến ngày 25/4/1941, Đội Cung và 12 người khác bị hành hình.

Từ đầu năm 1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng lan rộng, ảnh hưởng đến tinh thần binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Tại Nghệ An, binh lính rất bất bình và hoang mang khi thực dân Pháp có ý định điều một số đội lính khố xanh tại Nghệ An sang chiến đấu tại Lào, làm bia đỡ đạn cho Pháp trong chiến tranh Pháp - Thái Lan.

Ngày 8 tháng 1 năm 1941, Đội Cung được điều động từ Vinh về đồn Chợ Rạng (Thanh Chương, Nghệ An) thay cho viên đồn trưởng người Pháp là Alônggiô.

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 13/1/1941, Nguyễn Văn Cung và binh sĩ đến phủ Anh Sơn (thị trấn huyện Đô Lương bây giờ). Sau khi cho anh em ăn tối xong, Đội Cung tập hợp binh sĩ tại sân Chùa. Nội dung và lý do cuộc khởi nghĩa được Đội Cung chuẩn bị từ trước, ghi vào một tờ giấy để trong túi áo ngực, khi tập hợp đông đủ anh em, ông mới rút tờ giấy ra đọc, tuyên bố khởi nghĩa và giao nhiệm vụ cho binh sĩ. Theo kế hoạch, nghĩa binh sẽ giết tên Bạch, đồn trưởng Đô Lương, sau đó lên ô tô kéo về thành Vinh giết bọn thực dân Pháp, gồm những tay khét tiếng tàn ác, nắm những cương vị chủ chốt như: Thanh tra, Công sứ, Phó sứ…

Kế hoạch không thành, nghĩa quân không chiếm được trại giám binh vì bị lộ, thực dân Pháp đã dùng quân đàn áp, nhanh chóng dập tắt cuộc binh biến. Đội Cung, sau khi vượt thành trốn thoát, ông ẩn náu ở hang núi được gần một tháng. Ngày 11/2/1941, ông quay lại khu vực ngoại thành để nắm tình hình. Do có kẻ phản bội nên ông và 9 đồng chí bị thực dân Pháp bắt khi vừa vào nhà Tống Gia Liêm, khu vực Cổng Chốt.

Ngày 20/2/1941, Tòa án binh của Pháp ở Hà Nội đã mở phiên toà xét xử 51 người tham gia cuộc khởi nghĩa, 11 người bị kết án tử hình, 12 án chung thân, 2 án 20 năm tù khổ sai, 7 án 15 năm tù, 1 án 12 năm tù… Ngày 25/4/1941, thực dân Pháp tiến hành cuộc hành quyết Đội Cung và 10 đồng chí của ông tại 3 nơi: Vinh, chợ Rạng và Đô Lương. Phần mộ Đội Cung hiện nay ở phía ngoài cửa Hữu thành Nghệ An cũ. Hiện nay, tên Đội Cung được đặt cho các con phố ở Hà Nội (quận Hai Bà Trưng), thành phố Vinh, thành phố Huế, thành phố Thanh Hóa và thành phố Hồ Chí Minh (quận 11).

Mặc dù thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa quan trọng, thể hiện tinh thần đấu tranh giành độc lập dân tộc chống ách cai trị của các chiến sĩ cách mạng, yêu nước, không chịu làm nô lệ, khổ sai. Có thể nói, sự kiện Binh biến Đô Lương ngày 13/1/1941 đã nêu cao tinh thần bất khuất của người dân Việt Nam chống lại chế độ thực dân.

Theo tư liệu, báo "Cởi ách" của Tỉnh ủy Đảng Cộng sản Đông Dương Nghệ An ra ngày 20 tháng 2 năm 1941 viết: "Cuộc binh biến chợ Rạng - Đô Lương thất bại nhưng nó có tác dụng kích thích tinh thần ái quốc của đồng bào ta, làm cho đế quốc Pháp bối rối, làm cho ai nấy đều hiểu rằng anh em binh lính cùng đi với dân chúng trong Mặt trận Phản đế. Đồng thời nó cũng dạy cho chúng ta một bài học muốn đánh đuổi đế quốc ra khỏi xứ, cần phải có sự thống nhất hàng ngũ các giới".

Thật vậy, cuộc khởi nghĩa Đô Lương đã để lại cho Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ những kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động vũ trang của cách mạng. Bài học lớn nhất được rút ra là sự hỗ trợ phối hợp lẫn nhau giữa lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị. Bài học này đã được Đảng ta vận dụng và nâng cao đạt hiệu quả rất lớn trong thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 và các cuộc khởi nghĩa của toàn thể nhân dân ta sau đó.

Những cuộc khởi nghĩa, binh biến liên tiếp nổ ra giai đoạn trước năm 1945, đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng và đấu tranh vũ trang. Những kinh nghiệm quý báu ấy đã được Đảng và Bác Hồ đúc rút phát huy để lãnh đạo quần chúng đứng lên giành chính quyền mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam. Bằng chứng là cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã thành công, ngày 2/9/1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa long trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập.

PHẦN 2

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

MÙA XUÂN VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN Ý NGHĨA VỀ BÁC

Sinh thời, Bác Hồ luôn dành những tình cảm, sự quan tâm cho tất thảy mọi tầng lớp, giai cấp nhân dân Việt Nam. Mỗi độ Xuân về, khi khoảnh khắc đất trời và lòng người giao hòa, nhân dân Việt Nam mọi thế hệ đều thành kính nhớ về Người. Mỗi câu chuyện về Người, dù rất mực giản dị nhưng vẫn luôn có giá trị sâu sắc.

**** Mẫu chuyện 1:***

Xuân Tân Tỵ, năm 1941, Bác mới được đặt chân trở về giữa lòng Tổ quốc thân yêu sau đúng 30 năm trời ra đi tìm đường cứu nước (1911-1941). Hành trang theo Bác trở về vẻn vẹn chỉ có một chiếc va ly xách tay bằng mây, trong đựng hai bộ quần áo đã cũ và tập tài liệu Con đường giải phóng tập hợp những bài giảng trong lớp huấn luyện ở Nậm Quang (Quảng Tây, Trung Quốc) do Bác phụ trách vừa mới kết thúc trước Tết mấy hôm.

Mùa Xuân năm ấy, từ hang Pác Bó đã ra đời một bài thơ Xuân tuyệt đẹp của Bác Hồ:

"Non xa xa, nước xa xa

Nào phải thênh thang mới gọi là

Đây suối Lênin, kia núi Mác

Hai tay xây dựng một sơn hà"

Chỉ hơn bốn năm sau, ngày 2-9-1945, sơn hà của Tổ quốc đã được thu về một mối, từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau. Hồ Chí Minh trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và mùa Xuân độc lập đầu tiên, Xuân Bính Tuất năm 1946 đã trở về trên toàn cõi đất nước với một sắc màu khác lạ làm gợi nhớ đến một thời Nghiêu Thuấn xa xưa. Vào thời khắc mọi gia đình quây quần bên nhau chuẩn bị đón giao thừa thì vị Chủ tịch nước xắn quần, bước thấp bước cao đến các ngõ hẻm ở phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng... để được chính mắt nhìn thấy

cảnh Tết vừa, Tết nghèo của bà con lao động Hà Nội mới vừa thoát khỏi ách thực dân phong kiến.

Chính trong cuộc "vi hành" đêm Ba mươi Tết của mùa Xuân độc lập đầu tiên đó, Bác Hồ đã chứng kiến cảnh gia đình một người đạp xích lô "Tết mà không có Tết" ngoài một nén hương đang cháy dở trên bàn, còn chủ nhà thì đang đắp chiếu nằm mê mệt vì ốm. Bác đã xúc động lấy khăn lau nước mắt, lặng lẽ bước ra khỏi nhà, bảo đồng chí thư ký ghi lại địa chỉ để hôm sau báo cáo cho đồng chí Chủ tịch Hà Nội biết.

Cũng đêm Ba mươi Tết Bính Tuất đó, đúng giờ giao thừa, khi Đài Tiếng nói Việt Nam truyền khi khắp đất nước lời chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì chính Người lại đang vui Xuân cùng nhân dân ở đền Ngọc Sơn, trong vai một cụ già cùng cháu đi hái lộc.

Lần đầu tiên nhân dân Hà Nội, nhân dân cả nước, được hưởng một mùa Xuân mới mẻ, giao thừa nghe đọc thư chúc Tết của Bác Hồ:

"Hỡi đồng bào cả nước!

Hôm nay là mùng một Tết năm Bính Tuất, ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tôi thay mặt Chính phủ chúc đồng bào năm mới muôn sự tốt lành"

Cuối thư là một bài thơ ngắn:

"Trong năm Bính Tuất mới

Muôn việc đều tiến tới

Kiến quốc chóng thành công

Kháng chiến mau thắng lợi"

Kể từ mùa Xuân đầu tiên đó, suốt 24 năm làm Chủ tịch nước, mỗi lần Tết đến, Xuân về, Bác lại nghĩ đến dân, lo sao cho dân có một mùa Xuân ấm no, hạnh phúc. Thường thì trước Tết ba tháng, Bác đã nhắc các cơ quan, các ngành chuẩn bị Tết cho dân. Riêng Bác cũng tự mình chuẩn bị sớm ba việc. Tìm ý thơ cho bài thơ mừng năm mới, nhắc văn phòng chuẩn bị thiếp "Chúc Mừng Năm Mới" để kịp gửi đến những nơi xa xôi nhất, kể cả bộ đội ở các vùng rừng núi, hải đảo xa xôi và cán bộ công tác ở nước ngoài.

Và cuối cùng là một chương trình đi thăm dân không thể thiếu đối với Bác, một chương trình riêng mà chỉ Bác và các đồng chí cảnh vệ biết.

Tối Ba mươi Tết năm 1960, Bác đến thăm gia đình mẹ con chị Tín, một lao động nghèo ở phố Hàng Chĩnh, Hà Nội. Chiều mùng hai Tết năm 1961, Bác đến Văn Miếu dự buổi bình thơ Xuân của các cụ. Mùng hai Tết năm 1962, Bác đến thăm các cháu học sinh miền Nam ở Hải Phòng. Chiều 29 Tết năm 1963, Bác cải trang thành một cụ già theo cháu đi chợ hoa và chợ Đồng Xuân... Tất cả đều bí mật bất ngờ và do đó bao giờ cũng tạo hiệu quả lớn.

Như Tết năm 1960, nếu Bác chỉ đến thăm các gia đình theo chương trình của các cơ quan đã bố trí thì làm sao Chủ tịch nước biết được gần đến giao thừa rồi mà chị Tín vẫn còn phải đi gánh nước thuê đổi gạo để sáng mai mùng một Tết có cơm ăn cho bốn đưa con của mình. Gặp Bác, chị Tín xúc động để rơi cả đôi thùng gánh nước xuống đất, run run cầm lấy bàn tay của Bác:

- Cháu không ngờ lại được Bác đến thăm...

Chỉ nói được vậy, chị đã oà lên khóc nức nở.

Vị Chủ tịch nước đã an ủi chị:

- Bác không đến thăm những gia đình như cô thì thăm ai...

Và Bác đã vào nhà thăm hỏi khá lâu năm mẹ con chị Tín. Gọi là nhà nhưng đâu có phải là nhà mà là một cái chái như một túp lều. Chồng chị Tín là công nhân khuân vác ở bến Phà Đen đã mất cách đó bốn năm, còn chị thì cho đến lúc này vẫn chưa có việc làm ổn định. Cảnh nghèo của gia đình đã phũ phàng hiện ra trước mắt Bác. Trên chiếc bàn gỗ mục chỉ có một nải chuối xanh và một gói kẹo. Đúng là "Ba mươi Tết mà không có Tết". Cách đây 15 năm, Tết Độc lập đầu tiên, Bác đã đau lòng chứng kiến cảnh một gia đình "Tết mà không có Tết" ở ngõ hẻm Sinh Từ. Đó là khi đất nước mới thoát khỏi vòng nô lệ. Còn bây giờ, kháng chiến đã thắng lợi, hoà bình đã sáu năm, mà lại còn cái cảnh này sao? Không phải ở đâu xa mà ở ngay Thủ đô Hà Nội... Vậy còn bao nhiêu gia đình như thế này ở khắp mọi miền đất nước? Cứ ngồi nghe báo cáo thì đâu cũng là no ấm, tươi vui...

Đêm ấy, trên đường về, ngồi trên xe, Bác Hồ trầm ngâm suy nghĩ. Vẻ đăm chiêu thoáng hiện trên gương mặt của Người. Bác đã từng tâm sự với các đồng chí phục vụ: "Một ngày dân chưa đủ ăn, áo chưa đủ mặc, các cháu chưa được học hành, mọi người còn khổ thì Bác ăn không ngon, ngủ không yên".

Về đến nhà, các đồng chí Bộ Chính trị đang chờ Bác để chúc mừng năm mới. Mọi người băn khoăn khi thấy Bác không vui. Bác kể lại hoàn cảnh gia đình chị Tín cho mọi người nghe. Cuối câu chuyện Bác nói "Ta có chính quyền trong tay,

nhưng chính quyền đó chưa thực sự là do dân, vì dân. Một số lãnh đạo các địa phương còn quan liêu và nặng về hình thức. Họ không chịu đi sâu, đi sát quần chúng, nên phục vụ quần chúng chưa tốt. Nếu chúng ta chỉ nghe báo cáo của họ thì sẽ không bao giờ nắm được chính xác tình hình để có chủ trương, nghị quyết đúng đắn. Đảng quan liêu, chính quyền quan liêu, thực sự là một nguy cơ đối với đất nước chúng ta.

**** Mẫu chuyện 2: Bác Hồ ăn Tết cùng nhân dân năm 1946***

Câu chuyện này được ông Phan Xuân Thúy, một thợ ảnh kể lại. Ông kể:

"Chiều 30 Tết, Bác Hồ nói với các chiến sĩ: "Các cô các chú nào có gia đình ở Hà Nội thì mời vào đây vui Tết với Bác". Chú em tôi cuống quýt chạy một mạch về nhà báo tin. Được ăn Tết cùng với Bác thì vui quá. Đêm hôm ấy, cả gia đình tôi thao thức, tới quá giao thừa vẫn chẳng ai ngủ được.

Sáng hôm sau - tức mùng 1 Tết âm lịch năm 1946, cái Tết đầu tiên sau khi nước nhà giành được độc lập, ông cụ thân sinh tôi dậy rất sớm, ăn vận áo the, khăn xếp chỉnh tề, với tôi, anh trai Phan Xuân Giực, vợ chồng chị Phan Thị Trâm, Trần Khánh Lục và đứa con gái của họ là Trần Thị Thành cùng tới Bắc Bộ phủ.

Khi chúng tôi tới nơi thì đã thấy gần 50 người - là thân thích của các chiến sĩ khác - cũng đang đứng đợi ở ngoài sân. Bỗng Bác đi ra từ trong dinh với bộ quần áo kaki, đôi dép cao su quen thuộc. Bác đưa tay vẫy chào mọi người nói, ân cần: "Bây giờ xin mời tất cả ra đây chúng ta cùng vui Tết".

Chúng tôi theo Bác đi ra khu vườn trong Bắc Bộ phủ. Suốt dọc con đường rải đá sỏi, hai bên mượt cỏ tóc tiên, những chiếc chiếu được trải ra, cỗ đã bày sẵn. Tôi không còn nhớ chính xác có những món ăn gì, nhưng không có mâm cao cỗ đầy gì cả mà rất đơn sơ, cơm được xới từ trong những chiếc rá. Ông cụ thân sinh tôi cao tuổi nhất, được Bác nắm tay mời ngồi cùng ở mâm đầu tiên, các anh, chị tôi bế đứa nhỏ cũng ngồi kề ngay đấy.

Có mặt trong bữa cơm thân mật này còn có cả ông Đàm Quang Trung - sau này là Thượng tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước kiêm Chủ tịch Hội đồng Dân tộc và ông Vũ Đình Huỳnh - thư ký riêng của Bác. Bác mời cơm ông cụ nhà tôi, hỏi thăm cháu Thành rất ân cần, niềm nở. Tôi liền lấy máy ảnh ra chụp liên hồi. Bữa cơm chỉ kéo dài chừng nửa giờ đồng hồ nhưng tràn đầy xúc động.

Cụ Thúy hồi tưởng: "Hồi kháng chiến toàn quốc, cũng như bao gia đình Hà Nội khác, chúng tôi lên đường tản cư. Khi di tản, tôi chỉ kịp nhét vào túi áo mỗi

bức ảnh này vì nó có kích cỡ nhỏ. Những bức ảnh khác được lồng khung treo ở hiệu ảnh phố Hàng Bài, cùng với sập gụ, tủ chè, tư trang, đồ đạc thì mất hết. Tấm ảnh đó luôn nằm trong túi áo tôi, là một kỷ vật, vừa như lá bùa hộ mệnh giúp tôi vượt qua bao quãng đường trường. Khi trở về Hà Nội, điều đầu tiên tôi làm là lấy máy chụp lại, rồi phóng to nó lên đem treo ở vị trí trang trọng nhất trong nhà".

Đến nay, kỷ niệm này vẫn luôn được gia đình ông kể lại với sự trân trọng và niềm xúc động sâu sắc.

Một lần nhân dịp đầu Xuân, Bác Hồ đến thăm đơn vị lính cứu hỏa Thủ đô, trong thời buổi đất nước mới bắt đầu vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trang bị còn sơ sài, nhiều đồng chí biên chế chưa có nghiệp vụ, bộn bề khó khăn....Bác cháu nói chuyện rất vui vẻ, các đồng chí xin Bác một lời chúc đầu Xuân, Bác mỉm cười và nói :

Bác chúc các chú thất nghiệp.

Lời chúc giản dị, mộc mạc của Bác gửi gắm một tình yêu bao la Người dành cho lính cứu hỏa nói riêng và nhân dân ta nói chung.

Mẫu chuyện 3: Bác tặng quà

Vào một ngày đầu năm 1969, Bác Hồ thân mật tiếp đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đan Mạch sang thăm hữu nghị nước ta. Chúng tôi, những phóng viên tin và ảnh được cử lên Phủ Chủ tịch phục vụ cuộc tiếp khách quốc tế của Bác.

Nhà khách Phủ Chủ tịch lộng lẫy, nhưng Bác tiếp khách quý thật giản dị, đơn sơ mà thân mật, ấm cúng vô cùng. Cái không khí gia đình lấn chiếm cả căn phòng to rộng, trang nghiêm.

Thân mật tiếp chuyện những người bạn Đan Mạch thân thiết, Bác cười luôn và nói vui nhiều lần.

Bác mời thuốc lá đồng chí Chủ tịch Đảng Cộng sản Đan Mạch Cơnút Giétxpơxơn và các đồng chí trong đoàn. Xong, Bác quay lại phía tôi đang ngồi ngay sau Bác và Bác cũng cho tôi một điếu. Thật là hạnh phúc bất ngờ đối với tôi. Ôi, vô cùng cảm động và xiết bao vui sướng. Cầm điếu thuốc trong tay, tuy không hút nhưng cảm thấy khói thuốc tỏa hương bay thơm ngát quanh mình, như hơi thở ấm áp, yêu thương của Bác truyền vào tâm hồn dịu ngọt.

** Mẫu chuyện 4: Giờ này miền Nam đang nổ súng*

Tết Mậu Thân năm 1968 đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Tết năm ấy, do điều kiện sức khoẻ, Bác Hồ đi nghỉ và chữa bệnh ở nước ngoài. Tuy ở xa Tổ quốc, nhưng Bác luôn luôn theo dõi sát những thành tích và thắng lợi của đồng bào, chiến sĩ cả nước, nhất là những tin chiến thắng chiến trường miền Nam.

Tối hôm 30 Tết, Bác cùng đồng chí giúp việc ngồi trong một căn phòng vắng, tĩnh mịch thức để theo dõi tin tức trên đài và đón giao thừa. Khi ở Đài Tiếng nói Việt Nam tiếng pháo nổ vang tiễn năm Đinh Mùi và đón mừng năm Mậu Thân vừa dứt thì lời Thơ chúc Tết của Bác được truyền đi khắp mọi miền của Tổ quốc:

Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua

Thắng trận tin vui khắp nước nhà

Nam - Bắc thi đua đánh giặc Mỹ

Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Bác Hồ ngồi yên lặng đón giao thừa. Tiếng Bác đầu năm phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam hoà vào tiếng nhạc hùng tráng như một nguồn động viên cổ vũ lớn lao đối với đồng bào chiến sĩ cả nước:

Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Ánh mắt Bác lộ rõ niềm vui. Bỗng từ căn phòng nhỏ tĩnh mịch giữa lúc giao thừa thiêng liêng ấy, lời Bác nói một cách khe khẽ nhưng nghe rất rõ: "Giờ này miền Nam đang nổ súng".

Thì ra trong lúc này, không phải Bác Hồ chỉngồi để nghe pháo nổ, đón giao thừa, mừng năm mới, mà chính lúc ấy lòng Bác đang hướng về Tổ quốc, hướng tới đồng bào, chiến sĩ đang chiến đấu hy sinh ngoài mặt trận.

Sáng sớm hôm mồng một Tết Mậu Thân, Bác nhận được tin "cả miền Nam đều nổ súng". Kẻ thù hung ác của dân tộc lại bị một đòn đau bất ngờ, choáng váng. Bác Hồ vui trong niềm vui chiến thắng của chiến sĩ, đồng bào cả nước.

79 mùa Xuân của cuộc đời, Bác Hồ kính yêu luôn gắn mình với dân tộc. Bác đã dành cả cuộc đời vì mục tiêu độc lập dân tộc, giải phóng cho từng giai cấp. Trước khi Bác đi xa, trong Di chúc của mình, Bác luôn thể hiện niềm trăn trở với mục tiêu

đó. Đã 46 năm kể từ ngày Bác đi xa nhưng từng câu chuyện về Người vẫn luôn được nhắc đi nhắc lại cho từng thế hệ người Việt Nam. Những câu chuyện giản dị đó chính là hành trang đầy ý nghĩa cho chúng ta phấn đấu, nỗ lực đóng góp công sức vào xây dựng đất nước, sống với lý tưởng cách mạng vĩ đại của dân tộc.

Sưu tầm.